

VỊ TRÍ CỦA DOANH NGHIỆP - ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ TRONG HỆ THỐNG THUẾ GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP

NGUYỄN XUÂN SƠN

Tổng cục Thuế

1. Doanh nghiệp - nơi tạo ra các giá trị thuế.

Trên thực tế hiện nay, nhìn vào tổng số thuế, phí thu được hàng năm cho thấy, ngoài một ít số thuế thu được từ người có thu nhập cao và thuế sử dụng đất, hầu như tất cả số thuế thu vào ngân sách nhà nước đều do các hoạt động sản xuất - kinh doanh mang lại. Tỷ lệ thu ngân sách từ các doanh nghiệp (DN) luôn chiếm khoảng 66% tổng số thuế, phí hàng năm. Tùy theo diễn biến của quá trình cổ phần hoá và đầu tư hàng năm mà kết cấu số thuế phải nộp này được nộp từ DN nhà nước hoặc DN có vốn đầu tư nước ngoài, DN ngoài quốc doanh. Nhưng dù ở hình thức DN nào thì kết quả nộp thuế cũng xuất phát từ hiệu quả của các hoạt động kinh doanh trong nội địa. Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh sẽ trở nên khởi sắc và số thuế thu được từ các DN sản xuất - kinh doanh sẽ luôn là nguồn thu chủ yếu cho ngân sách các cấp. Trong cơ cấu thu của một số nước, số thu từ thuế thu nhập cá nhân chiếm tỉ lệ khoảng từ 35-45% trong tổng số thuế. Đây là nguồn thu dần chiếm tỉ trọng cao trong tổng thu, song trong số thu thuế thu nhập cá nhân này, các nước đã tính cả số thu nhập từ hoạt động kinh doanh tư nhân, hoạt động hành nghề độc lập và hoạt động đầu tư của các cá thể. Nghĩa là, phần lớn dựa vào hoạt động kinh doanh. Vì vậy, nếu coi nơi tiến hành các hoạt động kinh doanh là DN thì hầu như không thể phủ nhận vai trò của DN trong

việc đóng góp số thu cho ngân sách. Không phải ngẫu nhiên mà Chính phủ Pháp đã quy định đối tượng nộp thuế là một tác nhân của hệ thống thuế có vị trí ngang bằng với các tác nhân khác trong hệ thống. Với vai trò là một tác nhân trong hệ thống, các đối tượng nộp thuế, đặc biệt là các DN sẽ tác động nhất định đến những tác nhân khác. Nếu không xác định được vai trò này, việc hoàn thiện hệ thống thuế luôn vẫn gặp những vấn đề bất cập.

2. Góp phần hoàn thiện bộ máy thuế.

Các giá trị thuế được tạo ra không ai khác là các đối tượng nộp thuế; trong đó, chủ yếu là DN. Các cơ quan nhà nước trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước (QLHCNN) về thuế là bộ máy giúp việc cho Chính phủ, tìm cách thu gom tiền thuế vào ngân sách nhà nước phục vụ cho việc chi tiêu công cộng. Việc thu thuế thuận lợi hay không một phần phụ thuộc vào công tác tổ chức bộ máy tiến hành thu thuế và những quy định về quản lý thuế, nhưng phần lớn phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của DN và ý thức tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế của DN. Thế nhưng, lâu nay khi nói đến hệ thống thuế và sửa đổi, đổi mới hệ thống thuế, không mấy ai nghĩ việc thay đổi cách nhìn nhận về vai trò của DN nói riêng, đối tượng nộp thuế nói chung trong việc hình thành nên số thuế cho ngân sách nhà nước. Để đảm bảo số thuế cho ngân sách nhà nước, ngành Thuế và toàn xã hội lâu nay thường đưa ra khẩu hiệu "thu đúng, thu đủ, thu kịp thời" và

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

mọi sự tăng cường, củng cố đều nhằm vào việc điều chỉnh hệ thống, bộ máy tổ chức của cơ quan QLHCNN về thuế. Nói đến đổi mới hệ thống thuế thường đồng nghĩa với việc lo sắp xếp, sáp nhập tổ chức ngành Thuế thế nào và sửa đổi loại thuế nào cho hợp lý. Xa hơn nữa thì thay đổi cách quản lý thế nào cho có hiệu quả. Từ việc “tách ba bộ phận” đến “quản lý theo chức năng”, từ việc tập trung về cục rồi lại phân cấp cho chi cục... được áp dụng. Nhiều giải pháp được đưa ra đã bị thay thế bằng chính những cái mà nó vừa thay thế. Nhiều chính sách được đưa ra, chưa kịp thực hiện đã bị thay thế. Việc tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả QLHCNN chủ yếu trên các biện pháp tinh giản biên chế, khoán chi những hoạt động hành chính đơn thuần. Quản lý thuế như hiện nay nói riêng và nhiều hoạt động QLHCNN khác nói chung có một điểm yếu là không mấy ai chú ý đến đối tượng nộp thuế.

Trong nền kinh tế hội nhập, khi mọi giá trị trong khu vực và trên thế giới dần tiến đến tương đồng, đòi hỏi cơ quan QLHCNN về thuế phải đặt ra mục tiêu là xây dựng một ngành Thuế hiện đại ngang bằng với các nước trong khu vực là một điều cần thiết. Tuy nhiên, trong thực tế, mức độ hiện đại của cơ quan thuế có thể còn thấp, nhưng trong quá trình hoạt động được mọi đối tượng nộp thuế và toàn xã hội công nhận là một cơ quan thuế phục vụ tốt, làm việc có hiệu quả thì chắc chắn sẽ tốt hơn. Nghĩa là, thay vì dành nhiều sự đầu tư để hoàn thiện mình, cơ quan quản lý thuế cần dành sự quan tâm nhất định đến đối tượng nộp thuế để hiểu rõ hơn thực trạng và nguyện vọng của họ để cả hai bên cùng đạt đến một mục đích chung là thu và nộp kịp thời tiền thuế vào ngân sách nhà nước. Nói cách khác, bên cạnh khẩu hiệu “thu đúng, thu đủ, thu kịp thời”, Nhà nước cần mở rộng và duy trì thường xuyên cuộc vận động các DN nêu cao ý thức tự giác “nộp đúng, nộp đủ, nộp kịp thời” tiền thuế vào ngân sách nhà nước. Điều này, có thể sẽ

làm cho các DN thay vì phải chịu cưỡng chế hoặc áp dụng mọi hình thức mới nộp thuế như hiện nay thì ngược lại tự giác nộp thuế trên cơ sở hiểu biết pháp luật và tự nguyện làm nghĩa vụ. Như thế, việc kiện tụng, tranh chấp dài hơi giữa cơ quan thuế với những người nộp thuế sẽ khó phát sinh; đặc biệt, nếu có, cũng không đến mức phải nhờ cơ quan điều tra vào cuộc như một số vụ việc hiện nay đang giải quyết.

Hiện nay, ngành Thuế Việt Nam đã có những chuyển biến mới trong nhận thức. Đã dần dần tôn vinh và đưa DN trở lại vị trí, vai trò là nơi tạo ra các giá trị thuế cho nền kinh tế. Ngành cũng đã chú trọng đến công tác hỗ trợ đối tượng nộp thuế và sẵn sàng giải quyết những bất cập về chính sách và quản lý thuế mà DN phản ánh. Mới đây nhất, ngành Thuế đã cùng Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam kí kết thoả thuận hợp tác chương trình hỗ trợ DN ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, tất cả những động thái này thật sự chưa đủ để thúc đẩy hình thành một hệ thống thuế hiệu quả, hỗ trợ DN đặc lực trong quá trình kinh doanh của mình. Mặc dù ở trong lĩnh vực thuế nội địa, ngành Thuế có thể điều chỉnh cung cách quản lý, thay đổi mô hình tổ chức, giúp đỡ các DN làm tốt nghĩa vụ thuế của mình với chi phí ít nhất... nhưng trước yêu cầu hội nhập, ngành Thuế hiện nay chưa đáp ứng được những thông tin về cơ chế, chính sách, pháp luật về thuế ở những thị trường mà DN cần hướng đến để thực sự phục vụ cho các DN trong chiến lược mở rộng thị trường, tăng cường cạnh tranh trên thế giới. Do vậy, trong khi các hiệp hội thuế chưa được thành lập, ngành Thuế cần có những biện pháp tích cực hỗ trợ các DN trong lĩnh vực này khi mà Việt Nam đã thực sự hội nhập với nền kinh tế thế giới.

3. Góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách thuế.

Có thể nói DN là đối tượng nộp thuế

trung tâm của hệ thống thuế, bởi lẽ việc hoàn thiện chính sách thuế trong thời gian gần đây đều xuất phát từ thực tiễn kinh doanh của các DN, từ sự đối chiếu thực tế của các đối tượng nộp thuế. Chúng ta tuy không áp dụng hệ thống Thông luật, không xử theo án lệ, nhưng nếu không có những vướng mắc về chính sách của các DN thì việc đổi mới và hoàn thiện các chính sách thuế cũng chậm hơn. Hiển nhiên, ở đây không hề có ý phủ nhận vai trò của các nhà hoạch định chính sách. Những vướng mắc về chính sách thuế của DN cũng có nhiều chiều, nhưng thực tế cho thấy, nhiều DN do chưa am hiểu quyền lợi và nghĩa vụ của mình trên lĩnh vực thuế nên có những vướng mắc. Một số DN khác có những vướng mắc trên lĩnh vực thuế, nhưng do những định kiến vốn có và bởi rào cản của những hiện tượng tiêu cực nên không phản ánh kịp thời. Để xác lập mối quan hệ hữu ích của DN với hệ thống chính sách thuế cần phải giải toả hai kênh: đưa, phổ biến chính sách thuế đến DN và thu thập những ý kiến phản hồi từ phía DN, các hội nghề nghiệp để làm tốt hơn nữa công tác đổi mới chính sách thuế và quản lý thuế trên phạm vi cả nước. Việc làm này có thể bằng nhiều hình thức và nhiều luồng thông tin khác nhau. Có thể thông qua bộ máy hành chính thuế như là một sự phản hồi khi thực thi pháp luật, nhưng cũng có thể thông qua hệ thống lập pháp như là một kênh giám sát thực hiện của Quốc hội. Phải bằng nhiều hình thức để cho DN và nhân dân tiếp cận trực tiếp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của họ nói chung và thuế mà họ phải nộp nói riêng để có thể tự kiểm chứng và ý thức được hiệu quả tuân thủ của chính mình. Sự tiếp cận hệ thống chính sách trực tiếp của các DN sẽ cho thấy ngay giá trị của những quyết sách điều hành của Chính phủ trên thực tế. Tính nhất quán của các quyết định mang tính quy phạm cũng phải được bảo đảm không phải thông qua do sự giải thích trung gian

không cần thiết. Giải quyết được kênh này thông suốt, các DN chính là người đấu tranh trực tiếp một cách tốt nhất với mọi thái độ làm việc tùy tiện từ nhiều phía áp lên hoạt động kinh doanh.

4. Tham gia điều chỉnh các cam kết quốc tế và các hiệp định thuế.

Chính phủ với vai trò là cơ quan QLHNN cao nhất đã thay mặt Nhà nước xúc tiến đàm phán với các tổ chức quốc tế và các quốc gia khác trên thế giới, tiến hành kí kết các hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Hiệp định thuế) và các cam kết quốc tế về thuế để nước ta gia nhập WTO. Việc kí các cam kết và các hiệp định thuế này thực chất là tạo ra một sân chơi công bằng về thuế để các nhà đầu tư nước ngoài có thể hoạt động bình đẳng trong nước và cũng để các nhà đầu tư trong nước có thể hoạt động bình đẳng ra nước ngoài. Thế nhưng, bản thân Chính phủ không tự tiến hành các hoạt động thực tiễn để kiểm nghiệm được tính hiệu quả của các cam kết và các hiệp định, bởi lẽ Chính phủ chỉ làm chức năng QLHCNN chứ không trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh. Chỉ có các DN khi xúc tiến các hoạt động kinh doanh của mình trên khắp thế giới sẽ xác định được những giá trị thực tế của các hiệp định và các cam kết quốc tế. Họ cần phải am hiểu từng hiệp định và từng cam kết để điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình theo những luồng lạch nhất định để không bị mắc cạ. Mặt khác, họ cần phải có tiếng nói với Chính phủ về những điểm không phù hợp trong những hiệp định và những cam kết mà họ đã thực thi để Chính phủ có thể đàm phán điều chỉnh, nếu việc đó phù hợp và có lợi cho hoạt động kinh doanh của các DN □

Tài liệu tham khảo:

- Tài chính công, Michel Bouvier - Christine Esclassan, Tean - Pierre Lassale, sách tham khảo, NXB. CTQG, H. 2005.